

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 09 /9 /2019

V/v : Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trình
2. Ông Nguyễn Xuân Thuật

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội: Ông Đỗ Xuân Hưng – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 09 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn Q**, sinh năm 1983;

HKTT: Thôn X, xã Y, Ba Vì, TP. Hà Nội;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986;

SQ: Thôn X, thị trấn Y, Ba Vì, TP. Hà Nội;

HKTT: Thôn X, xã Y, Ba Vì, TP. Hà Nội;

(anh Q có mặt, chị T triệu tập lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai anh Lê Văn Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau ngày 28/10/2005 tại UBND thị trấn Y, huyện Ba Vì, TP.

Hà Nội qua tự do tìm hiểu theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T có quan hệ ngoại tình mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chị không nghe, dẫn đến vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn thị T.

- *Về con chung*: có 2 cháu Lê Thị Thu H – sinh ngày 13/10/2006 và cháu Lê Văn H – sinh 07/12/2008. Hiện nay 2 cháu đang ở với anh Q, ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi 2 cháu và không yêu cầu chị T phải trợ cấp nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: không có.

- *Tài sản riêng*: không có.

- *Công nợ chung*: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Viết M là bố đẻ của chị Nguyễn Thị T trình bày: Anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị T có kết hôn ngày 28/10/2005 tại UBND thị trấn Y. Sau khi hai vợ chồng cưới nhau xong thì ở tại gia đình anh Q, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông không biết. Về con chung: anh Q, chị T có 2 cháu Lê Thị Thu H – sinh ngày 13/10/2006 và cháu Lê Văn H – sinh 07/12/2008, hiện nay 2 cháu đang ở với anh Q. Nay anh Q xin ly hôn chị T là việc riêng của 2 cháu ông không có liên quan. Hiện nay chị T đi làm ăn xa, thi thoảng mới về thì không biết địa chỉ cụ thể ở đâu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho chị Nguyễn Thị T tại địa chỉ thường trú ở thôn X, xã Y, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội, tuy nhiên chị T bất hợp tác không lên làm việc theo sự báo gọi, triệu tập của Tòa án, trốn tránh pháp luật nên Tòa án không lấy được lời khai của chị T và tiến hành thủ tục hòa giải. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xã Y, huyện Ba Vì, Hà Nội chính quyền địa phương cho biết: Anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị T có kết hôn ngày 28/10/2005 tại UBND thị trấn Y, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại gia đình nhà anh Lê Văn Q. Qua dư luận của quần chúng nhân dân và xác minh tại thôn, chính quyền địa phương được biết giữa anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị T có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tuy nhiên hai anh chị không nhờ ban thôn hay chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được chính quyền địa phương phối hợp với Tòa án nhân dân huyện Ba Vì báo gọi nhiều lần nhưng không hợp tác làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và được nuôi con, chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc thụ lý và giải quyết, thu thập chứng cứ trong vụ án ly hôn của Tòa án là đúng theo các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn Q, cho anh Lê Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. *Về con chung:* có 2 cháu Lê Thị Thu H – sinh ngày 13/10/2006 và cháu Lê Văn H – sinh 07/12/2008. Giao cho anh Lê Văn Q tiếp tục nuôi 2 cháu và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. *Về tài sản chung, Tài sản riêng, công nợ chung:* Chưa giải quyết. *Về án phí:* Anh Lê Văn Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Anh Lê Văn Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, TP Hà Nội giải quyết việc ly hôn của anh và chị Nguyễn Thị T. Xét thấy, chị Nguyễn Thị T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Y, huyện Ba Vì, TP Hà Nội. Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh Q và chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nguyên vọng anh Lê Văn Q xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn, chị Nguyễn Thị T bất hợp tác, không làm việc, không chấp hành sự triệu tập, báo gọi của Tòa án, không trình bày yêu cầu bằng văn bản với Tòa án, không tham gia hoạt động hòa giải, không thể hiện mong muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nhận thấy: Anh Lê Văn Q và chị Nguyễn Thị T trong quá trình chung sống mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân đã được 5 năm. Vì vậy chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn Q.

[3] *Về con chung:* có 2 cháu Lê Thị Thu H – sinh ngày 13/10/2006 và cháu Lê Văn H – sinh 07/12/2008. Hiện nay 2 cháu đang ở với anh Q, nguyên vọng của anh Q xin được tiếp tục nuôi 2 cháu và nguyên vọng của cháu Lê Thị Thu H xin được ở với bố. Nhận thấy, nguyên vọng nuôi con của anh Q là chính đáng, hiện nay 2 cháu đang ở ổn định với anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T không trình bày quan điểm của mình về vấn đề con chung do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao 2 cháu Lê Thị Thu H và cháu Lê Văn H cho anh Lê Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Lê Văn Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi 2 cháu Lê Thị Thu H và cháu Lê Văn H. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung*: Anh Lê Văn Q trình bày đều không có, chị Nguyễn Thị T không thể hiện quan điểm về vấn đề tài sản chung, công nợ chung, tài sản riêng. Do vậy, HĐXX chưa xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Lê Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 56,82,84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội

XỬ: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lê Văn Q. Cho anh Lê Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: có 2 cháu Lê Thị Thu H – sinh ngày 13/10/2006 và cháu Lê Văn H – sinh 07/12/2008. Giao cho anh Lê Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng 2 cháu Lê Thị Thu H và cháu Lê Văn H đến khi trưởng thành hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T cho đến khi anh Lê Văn Q có yêu cầu hoặc thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung*: Chưa xem xét giải quyết

- *Về tài sản riêng*; Chưa xem xét giải quyết

- *Công nợ chung*: Chưa xem xét giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Lê Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Anh Q đã nộp 300.000 đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0009326 ngày 29/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì. Nay khấu trừ và tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp.

- *Về quyền kháng cáo*: Anh Lê Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- UBND thị trấn Tây Đằng.
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Thu Hương